



PHỤ LỤC
ATTACHMENT

**(Kèm theo quyết định số 1291/QĐ-VACI ngày 20 tháng 7 năm 2026 của
Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam)**

Tên phòng thử nghiệm: **Phòng Thử nghiệm Than - Khoáng sản**

Laboratory: *Coal - Mineral Testing Laboratory*

Cơ quan chủ quản: **CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH ALPHA CONTROL**

Organization: *ALPHA CONTROL INSPECTION JOINT STOCK COMPANY*

Lĩnh vực: **Hóa học**

Field of testing: *Chemical testing*

Người phụ trách/Representative: **Nguyễn Anh Dũng**

Người có thẩm quyền ký/Approved signatory:

STT	Họ và tên/Full name	Phạm vi được ký/Scope
1.	Nguyễn Anh Dũng	Tất cả các phép thử được công nhận <i>All accredited tests</i>
2.	Lê Hồng Sơn	Tất cả các phép thử được công nhận <i>All accredited tests</i>
3.	Ngô Thành Trung	Tất cả các phép thử được công nhận <i>All accredited tests</i>

Số hiệu/Code: **VALAS 093**

Hiệu lực công nhận/ Period of Validation: **17/3/2028**

Địa chỉ trụ sở/Headquarters:

Tầng 1, Chung cư Hạ Long, đường 25/4, Tổ 11, Khu 3, phường Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam
Ground Floor, Ha Long apartment building, 25/4 street, Group 11, Zone 3, Hong Gai ward, Quang Ninh province, Vietnam

Địa chỉ phòng thí nghiệm/Lab Location:

Xóm 1, khu dân cư Hiệp Thượng, phường Phạm Sư Mạnh, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Hamlet 1, Hiep Thuong residential area, Pham Su Manh ward, Hai Phong city, Vietnam

Số điện thoại/Phone: **0982 156 606**

E-mail: dungna@alphacontrol.vn

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa học

Field of testing: Chemical teting

STT No.	Tên sản phẩm, vật liệu thử <i>Materials or products tested</i>	Tên phương pháp thử cụ thể <i>Name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có) / phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/ range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test methods</i>
1.	Than và Coke <i>Coal and Coke</i>	Xác định hàm lượng ẩm toàn phần <i>Determination of total moisture</i>	-	TCVN 172:2019 <i>(ISO 589:2008)</i>
2.		Xác định độ ẩm trong mẫu phân tích chung <i>Determination of moisture in general analysis test sample</i>	-	TCVN 4919:2007 <i>(ISO 687:2004)</i>
3.		Xác định hàm lượng tro <i>Determination of ash</i>	-	TCVN 173: 2011 <i>(ISO 1171: 2010)</i>
4.		Xác định hàm lượng chất bốc <i>Determination of Volatile matter content</i>	-	TCVN 174: 2011 <i>(ISO 562:2010)</i>
5.		Xác định hàm lượng các bon cố định <i>Determination of fixed carbon content</i>	-	TCVN 9813:2013 <i>(ISO 17246:2010)</i>
6.		Xác định lưu huỳnh bằng Phương pháp điện phân <i>Determination of total sulfur by coulomb titration Method</i>	Đến 14% <i>Up to 14%</i>	ISO 20336: 2017
7.		Xác định trị số toả nhiệt toàn phần bằng phương pháp bom đo nhiệt lượng. <i>Determination of gross calorific value by the calorimeter bomb method & calculation of net calorific value.</i>	Đến 8000 cal/g <i>Up to 8000 cal/g</i>	TCVN 200: 2011 <i>(ISO 1928:2009)</i>
8.		Phân tích cỡ hạt <i>Size analysis by sieving</i>	-	TCVN 251:2018 <i>(ISO 1953:2015)</i>
9.	Than và Coke <i>Coal and Coke</i>	Than - Phương pháp xác định tỷ lệ Dưới cỡ hoặc trên cỡ <i>Coal - Method for Determination of Undersized or Oversized propotions</i>	-	TCVN 4307: 2005

Năm 2025, Mở rộng lĩnh vực thử nghiệm: Hóa học

Field of expansion: Chemical testing

TT/ No	Tên sản phẩm/ vật liệu được thử <i>Name of product/material tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>Specific test name</i>	Phạm vi đo/LOD/LOQ <i>Measurement Range/LOD/ LOQ</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
1	Than và Cốc	Xác định hàm lượng ẩm trong mẫu phân tích <i>Determination of Moisture in the analysis sample</i>	-	ASTM D3173/D3173M- 17a
2	Than và Cốc	Xác định độ ẩm toàn phần <i>Determination of total moisture</i>	-	ASTM D3302/D3302M- 22a
3	Than và Cốc	Xác định hàm lượng tro <i>Determination of ash content</i>	-	ASTM D3174-12 (2018)e1
4	Than và Cốc	Xác định hàm lượng chất bốc <i>Determination of volatile matter content</i>	-	ASTM D3175-20
5	Than và Cốc	Xác định hàm lượng Cacbon Cố định <i>Determination of Fixed Cacbon content</i>	-	ASTM D3172-13 (2021)e1
6	Than và Cốc	Xác định trị số tỏa nhiệt toàn phần Phương pháp bom đo nhiệt lượng và tính giá trị tỏa nhiệt thực <i>Determination of gross calorific value Calorimeter bomb method and calculation of net calorific value</i>	(52-12.000) cal/g	ASTM D5865/D5865M- 19
7	Than và Cốc	Xác định tổng hàm lượng Lưu huỳnh- Phương pháp Eschka <i>Determination of total Sulfur -Eschka method</i>	Đến/ to 10%	TCVN 175:2015/ISO 334:2020
8	Than và Cốc	Xác định cỡ hạt phương pháp sàng <i>Determination of Size Sieve method</i>	Đến/ to 100 mm	ASTM D 4749/4749M-87 (R2019)

Năm 2026, Mở rộng lĩnh vực thử nghiệm: Hóa học

Field of expansion: Chemical testing

TT/ No	Tên sản phẩm/ vật liệu được thử <i>Name of product/material tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>Specific test name</i>	Phạm vi đo/LOQ <i>Measurement Range/ LOQ</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
1	Than	Xác định chỉ số nghiền Hardgrovegrove	-	TCVN 6015:2018 (ISO 5074:2015) ISO 5074:2025 ASTM D409/D409M -24
2	Than và Cốc	Xác định tính nóng chảy của tro	Đến/Up to 1500°C	TCVN 4917:2011 (ISO 540:2008) ASTM D1587/D1587M-24

Ghi chú/Note:

- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam/Vietnam Standards;
- ISO: Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế/International Organization for Standardization.
- ASTM: Hiệp hội Thí nghiệm và Vật liệu Hoa Kỳ /American Society for Testing and Materials
- Trường hợp Phòng Thử nghiệm Than - Khoáng sản thuộc Công ty Cổ phần Giám định Alpha Control cung cấp dịch vụ Thử nghiệm phương tiện đo, chất lượng sản phẩm hàng hóa thì Phòng Thử nghiệm phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *In case of providing calibration services, Coal - Mineral Testing Laboratory - Alpha Control Inspection Joint Stock Company must register and be granted a certificate of operation registration in accordance with the law before providing this service..*